TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/DS-ST
Ngày: 05/5/2021
V/v Tranh chấp hợp đồng tín dụng.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 4 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Bảo Trân
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đinh Kim Hoàng
2. Bà Lê Thị Kim Lệ

Thư ký phiên tòa: Ông Tạ Mạnh Hùng - Thư ký Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Lý - Kiểm sát viên.

Trong ngày 05 tháng 5 năm 2021 tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 4 xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 122/2020/TLST – DS ngày 19 tháng 10 năm 2020 về *"Tranh chấp Hợp đồng tín dụng"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 139/2021/QĐXX - ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 183/2021/QĐST-HPT ngày 14 tháng 4 năm 2021, giữa:

Nguyên đơn: Ngân hàng N.
Trụ sở: số X, phường A, quận Đ, Thành phố H
ĐCLL: Y, phường B, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.
Người đại diện theo ủy quyền: Ông Phạm C- chức danh: cán bộ pháp chế NHN - chi nhánh E.
(Văn bản ủy quyền số 1284/NHN-GUQ ngày 22 tháng 9 năm 2020)
(Có đơn đề nghị xét xử mặt).

Bị đơn: Ông Hoàng B.
Địa chỉ: Z , Phường C, Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh.
(Tống đạt hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/20217 của Ngân hàng N (viết tắt là Ngân hàng) và các các lời khai tiếp theo trong quá trình giải quyết vụ án của người đại diện ủy quyền là ông Phạm C trình bày:

Ngày 21/01/2011 Ngân hàng N– Chi nhánh E và ông Hoàng B có ký Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201100022 với số tiền vay là 50.000.000 đồng (Bằng chữ: Năm mươi triệu đồng);

Mục đích sử dụng tiền vay: Mua sắm tiêu dùng; Lãi suất 18,5%/năm tại thời điểm ký Hợp đồng tín dụng; Thời hạn vay là 24 tháng; Phương thức trả nợ gốc 12 tháng/lần, lãi trả hàng tháng, lãi suất nợ quá hạn là 150% so với lãi suất vay thỏa thuận; Nhận nợ một lần vào ngày 21/01/2011; Ngày trả nợ cuối cùng vào ngày 21/01/2013. Lãi suất điều chỉnh với dư nợ còn lại là 9,5%; Lãi suất quá hạn 0,095%. Cho vay không có tài sản bảo đảm.

Hiện tại, ông Hoàng B đã vi phạm cam kết nợ trong hợp đồng tín dụng, không còn khả năng trả nợ cho ngân hàng N. Tính đến thời điểm hiện nay, ông B còn đang nợ tại Ngân hàng N, tính từ ngày 15/12/2012 đến ngày 05/05/2021 cụ thể:

- Số tiền gốc: 11.550.000 đồng (Bằng chữ: Mười một triệu năm trăm năm mươi ngàn đồng).
- Số tiền lãi trong hạn: 9.704.422 đồng.
- Lãi quá hạn: 92.230 đồng
- Tổng cộng: 21.346.651 đồng

Nguyên đơn yêu cầu Tòa án Nhân dân Quận 4 xem xét: Buộc ông Hoàng B thanh toán toàn bộ số tiền nợ cho Ngân hàng N, tính từ ngày 15/12/2012 đến ngày 05/05/2021 là 21.346.651 đồng.

Thời hạn thanh toán : ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ngoài ra, ông B còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng đã ký kết và đã điều chỉnh lãi suất dư nợ còn lại là 9,5%, lãi suất quá hạn 0.095%.

Trường hợp ông Hoàng B không thanh toán nợ hoặc trả nhưng không đầy đủ, Ngân hàng có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản do ông Hoàng B là chủ sở hữu, quản lý và sử dụng theo quy định pháp luật để ngân hàng thu hồi nợ.

Hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và ông Hoàng B với mục đích vay tiêu dùng cá nhân nên nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Hoàng Bphải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật mà không yêu cầu người thân của ông B phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn.

Sau khi thụ lý đơn khởi kiện của Ngân hàng N, Tòa án đã thực hiện việc tống đạt đầy đủ, hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hoàng B, như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập, các Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận và công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập xét xử đến lần thứ hai nhưng ông Hoàng B không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của ngân hàng, không nộp tài liệu chứng cứ và không đến Tòa án lần nào, do đó Tòa án không ghi được lời khai của ông Hoàng B cũng như không tiến hành hòa giải được. Đồng thời, đại diện nguyên đơn là ông Phạm C có đơn xin xét xử vắng mặt nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo thủ tục chung.

Tại phiên tòa:

Bị đơn là ông Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai, nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn là ông Phạm C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nhưng trong bản khai vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ban đầu nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Qua kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung:

Trong quá trình thực hiện Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201100022 ngày 21/01/2011 như nguyên đơn trình bày, ông Hoàng B đã vi phạm cam kết thanh toán đã ký với nguyên đơn. Các khoản nợ tín dụng đã quá hạn thanh toán. Nguyên đơn đã thông báo và liên hệ nhiều lần nhưng ông Bình vẫn chưa trả nợ. Do ông Hoàng B vi phạm nghĩa vụ, thời hạn thanh toán theo hợp đồng đã ký kết, nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thủ tục tố tụng:

Xét, Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Hoàng B có trách nhiệm thanh toán cho ngân hàng số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201100022 ngày 21/01/2011 với mục đích sử dụng vốn là tiêu dùng cá nhân, như vậy đây là vụ án dân sự; ông Hoàng B có địa chỉ cư trú tại Quận 4, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 4, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Đại diện nguyên đơn là ông Phạm C có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn là ông Hoàng B đã được Tòa án triệu tập hợp lệ tham gia phiên tòa đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên căn cứ khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn theo thủ tục chung.

Về yêu cầu khởi kiện:

Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện và chứng cứ Ngân hàng N xuất trình là bản chính Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201100022 ngày 21/01/2011 có chữ ký của ông Hoàng B có cơ sở xác định ông Hoàng B có ký kết Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201100022 ngày 21/01/2011 với Ngân hàng N để vay tiền đúng như nguyên đơn trình bày. Việc thỏa thuận giữa các bên là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

Quá trình thực hiện hợp đồng, đối với Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201100022 ngày 21/01/2011 ông B đã thanh toán cho Ngân hàng từ khi vay cho đến ngày vi phạm là 38.450.000 đồng; Kể từ ngày 22/01/2013 trở đi, ông B không thanh toán thêm cho Ngân hàng bất cứ khoản nào nữa. Ngân hàng đã nhắc nợ nhiều lần nhưng ông B vẫn vi phạm nghĩa vụ trả nợ, Ngân hàng đã có thông báo thu hồi nợ trước hạn. Như vậy, ông B đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền vay và lãi hàng tháng mà các bên đã thỏa thuận tại Điều 6 của Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201100022 ngày 21/01/2011 mà các bên đã ký kết. Cho nên, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc ông B thanh toán toàn bộ số tiền nợ với thời hạn trả một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở để chấp nhận.

Ngoài ra, Hợp đồng ký kết giữa nguyên đơn và ông Hoàng B với mục đích vay tiêu dùng cá nhân nên nguyên đơn chỉ khởi kiện yêu cầu cá nhân ông Hoàng B phải thanh toán toàn bộ số tiền còn nợ nêu trên ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật mà không yêu

cầu người thân của ông B phải chịu trách nhiệm liên đới trả nợ cho nguyên đơn là có cơ sở để chấp nhận.

Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận, nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch trên số tiền phải thanh toán cho nguyên đơn; Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí cho nguyên đơn theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Luật phí và lệ phí năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 2 Điều 244, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ vào Điều 290, Điều 471, Điều và 474 của Bộ luật dân sự năm 2005;

- Căn cứ vào Điều 468 và Điều 688 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 2 Điều 91, điểm a khoản 3 Điều 98 Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010.

-Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Căn cứ vào Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Tuyên xử:

1.Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam.

Buộc ông Hoàng B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng N toàn bộ số tiền nợ phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số 1603-LAV-201100022 ngày 21/01/2011 tính từ ngày 15/12/2012 đến ngày 05/05/2021 là 21.346.651 đồng (Trong đó bao gồm: Nợ gốc: 11.550.000 đồng; Nợ lãi trong hạn: 9.704.422 đồng; Nợ lãi quá hạn: 92.230 đồng)

Thời hạn thanh toán: một lần ngay khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày 06/5/2021 trở đi ông Hoàng B còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi phát sinh cho đến khi trả hết nợ gốc và lãi suất quá hạn mà các bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng đã ký kết và đã điều chỉnh lãi suất dư nợ còn lại là 9,5%, lãi suất quá hạn 0.095% cho đến khi ông B thực trả hết nợ vốn cho Ngân hàng N.

Trường hợp ông Hoàng B không thanh toán nợ hoặc trả nhưng không đầy đủ, Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản do ông Hoàng Blà chủ sở hữu, quản lý và sử dụng theo quy định pháp luật để ngân hàng thu hồi nợ.

Thi hành tại Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Ông Hoàng B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.067.333 (Một triệu không trăm sáu mươi bảy nghìn ba trăm ba mươi ba) đồng.

Hoàn trả lại số tiền tạm ứng án phí là 501.000 (Năm trăm lẻ một nghìn) đồng cho Ngân hàng N đã nộp theo biên lai số AG/2014/0007794 ngày 08/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 4.

3. Về quyền kháng nghị của Viện kiểm sát nhân dân và quyền kháng cáo của các đương sự:

Viện kiểm sát nhân dân Quận 4 có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án.

Ngân hàng N và ông Hoàng B có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (Mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND TP. HCM;
- VKSND Quận 4;
- Chi cục THADS Quận 4;
- Lưu: Vp, hồ sơ

Võ Thị Bảo Trân

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Hội thẩm nhân dân **Hội thẩm nhân dân** **Thẩm phán – chủ tọa phiên tòa**